TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 04 năm 2022
V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thu Hiền và bà Hoàng Thị Len.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Đỗ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Đức Q, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Thúy N, sinh năm 1990; nơi ĐKHK: Thị trấn V, huyện V, tỉnh C; địa chỉ: Hiện đang lao động tại Hàn Quốc. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn anh Trần Đức Q trình bày:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị Trần Thị Thúy N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 6 năm 2014 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Hàn Quốc, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về làm ăn

kinh tế và quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình cảm lạnh nhạt. Đến tháng 9/2017 thì mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị Thúy N.

2. Về con chung: Anh và chị Trần Thị Thúy N có 01 con chung là Trần Minh N1, sinh ngày 26/5/2013. Ly hôn, anh xin được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn chị Trần Thị Thúy N trình bày:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị N trình bày thống nhất với anh Trần Đức Q về quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống. Đến cuối năm 2021, thì mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay anh Q có đơn xin ly hôn, chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị đồng ý ly hôn với anh Q.

2. Về con chung: Chị và anh Trần Đức Q có 01 con chung là Trần Minh N1, sinh ngày 26/5/2013, hiện con chung đang ở với anh Q. Ly hôn, chị nhất trí giao con chung cho anh Q nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Cháu Trần Minh N1, sinh ngày 26/5/2013 có đơn trình bày xin được ở với bố là anh Trần Đức Q.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của đương sự đều tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung, có đủ căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: xử cho anh Trần Đức Q ly hôn chị Trần Thị Thúy N, giao con chung Trần Minh N1 cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng*:* Anh Trần Đức Q, chị Trần Thị Thúy N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh Q, chị N là đúng pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Đức Q và chị Trần Thị Thúy N tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Anh Q, chị N đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng và đã ly thân từ cuối năm 2021 đến nay, không quan tâm gì đến nhau và đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N cũng có quan điểm đồng ý ly hôn với anh Q, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Q, xử cho anh Q ly hôn chị N là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Q, chị N có 01 con chung là Trần Minh N1, sinh ngày 26/5/2013, đang ở cùng anh Q. Anh Q đề nghị giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh, cháu N1 có đơn xin được ở với anh Q, chị N cũng có nguyện vọng thống nhất với anh Q. Vì vậy, Hội đồng xét xử xử giao con chung cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh Q không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Q, chị N đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân*:* Xử cho anh Trần Đức Q được ly hôn chị Trần Thị Thúy N.

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Đức Q trực tiếp nuôi con chung Trần Minh N1, sinh ngày 26/5/2013, chị Trần Thị Thúy N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Q, chị N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về tài sản: Anh Trần Đức Q và chị Trần Thị Thúy N không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Đức Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền anh Q đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005237 ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí cho anh Trần Đức Q.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Đức Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ; chị Trần Thị Thúy N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Đương sự;
- Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà